

Số: /BC-HĐND

Cao Bằng, ngày

tháng 7 năm 2023

## BÁO CÁO

### Thẩm tra Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (Thuộc lĩnh vực dân tộc)

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Luật định và sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh. Ngày 26/6/2023, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã tiến hành thẩm tra báo cáo số 1468/BC-UBND ngày 14/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023 (lĩnh vực dân tộc) trình kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 -2026.

Qua xem xét Báo cáo, ý kiến thảo luận của các đại biểu dự họp. Ban Dân tộc HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra, cụ thể như sau:

#### I. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023 ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

##### 1. Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng-an ninh 6 tháng đầu năm 2023 (lĩnh vực dân tộc)

###### 1.1. Kết quả đạt được

Trong 6 tháng đầu năm, công tác dân tộc tiếp tục được quan tâm thực hiện. Tổng nguồn vốn được giao thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2023 là 2.118.331,171 triệu đồng<sup>1</sup>. Nhờ đó, tình hình kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào DTTS được duy trì và phát triển, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng, tập trung nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn gắn với xây dựng nông thôn mới. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; phát triển giáo dục, đào tạo từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được quan tâm. Công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số được chú trọng. Hạ tầng cơ sở thông tin vùng đồng bào dân tộc thiểu số cơ

<sup>1</sup> Trong đó: Nguồn vốn Trung ương là 2.095.448,171 triệu đồng (trong đó: Nguồn vốn năm 2022 chuyển sang là: 584.709,171 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư là 365.387,665 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 219.321,506 triệu đồng. Nguồn vốn kế hoạch năm 2023 là 1.510,739 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư là 656.800 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 853.939 triệu đồng). Nguồn vốn ngân sách địa phương là: 22.883 triệu đồng (đối ứng nguồn vốn đầu tư)

bản đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc. Các chính sách đảm bảo an sinh xã hội được thực hiện kịp thời. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số cơ bản đảm bảo, không diễn ra tình trạng di dân tự do, không phát sinh trường hợp hôn nhân cận huyết thống; đồng bào các dân tộc thiểu số chấp hành nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của các cấp chính quyền cơ sở.

### **1.2. Hạn chế, khó khăn**

Bên cạnh những kết quả đạt được, Ban Dân tộc HĐND tỉnh nhận thấy tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2023 về lĩnh vực dân tộc vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đó là:

- Hiện nay, đời sống của một bộ phận đồng bào vùng dân tộc thiểu số vẫn còn khó khăn, nhất là: việc làm, thu nhập thiếu ổn định; đối tượng hộ nghèo có xu hướng trẻ hóa ngày càng tăng; năng suất, hiệu quả của hoạt động sản xuất chưa cao; ý thức tự lực, tự cường, tự vươn lên thoát nghèo, tích lũy của cải còn hạn chế; chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ y tế... vùng đồng bào DTTS chưa đồng đều, còn chênh lệch khá lớn; sự giao thoa, du nhập văn hóa từ bên ngoài và giữa các vùng miền, dẫn đến việc bảo tồn bản sắc văn hóa và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gặp khó khăn.

- Quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn nhiều vướng mắc, kết quả giải ngân một số dự án thấp (tiểu dự án 2, Dự án 9: 13,9%; tiểu dự án 1, Dự án 10: 28,01%...); mô hình dạy nghề cho người lao động DTTS ở nông thôn hiện nay chủ yếu là các nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, chưa tổ chức đào tạo nhiều nghề phi nông nghiệp mang tính dịch vụ, kỹ thuật chất lượng cao nên chưa đáp ứng được thị trường lao động, hiệu quả chưa cao. Kết quả giảm nghèo trong vùng DTTS và đồng bào DTTS hằng năm có giảm nhưng chưa thật sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao<sup>2</sup>.

- Công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục đồng bào DTTS nhằm thay đổi nhận thức, xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu trong đời sống, lao động sản xuất, sinh hoạt hiệu quả chưa cao; Công tác phối hợp, kiểm tra việc triển khai thực hiện một số chương trình, chính sách, dự án chưa được thực hiện thường xuyên...

## **2. Kết quả thực hiện các chính sách của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

### **2.1. Ưu điểm**

Đến nay, Trung ương đã ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống cơ chế, chính sách khung để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi; các địa phương trên địa bàn tỉnh đã chủ động, tích cực kiện toàn bộ máy và chuẩn bị các

---

<sup>2</sup> *Kết quả giảm nghèo*: Tổng số hộ nghèo là 37.409 hộ, chiếm 28,94%, giảm 4,29%. Tổng số hộ nghèo DTTS là 37.291 hộ, chiếm 29,76%, giảm 4,5%. Tổng số hộ cận nghèo là 19.084 hộ, chiếm 14,76, tăng 1,43%.

cơ chế, chính sách, điều kiện để triển khai và giải ngân vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đạt được một số kết quả đáng ghi nhận;

Việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) đang được tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện. UBND tỉnh và các sở, ngành đã có nhiều nỗ lực, chủ động, tích cực, trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số<sup>3</sup>; triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, cùng UBND các huyện, Thành phố tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Quyết định 1719)<sup>4</sup> góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội.

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Việc triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ về quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 đang được triển khai tích cực; công tác giảm nghèo và an sinh xã hội tiếp tục được bảo đảm, chính sách hỗ trợ tiền điện, chính sách hỗ trợ thiếu đói giáp hạt và nhiều chính sách xã hội đã đi vào thực chất, đóng vai trò làm đòn bẩy hỗ trợ các đối tượng yếu thế vươn lên<sup>5</sup> giảm bớt khó khăn và có động lực vươn lên để thoát nghèo.

---

<sup>3</sup> + *Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ*: Tổ chức được 09 hội nghị tập huấn cho 596 người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Thực hiện cấp báo cho người có uy tín tháng 6/2023 được 207.604 tờ báo các loại, kinh phí thực hiện 678,14 triệu đồng. Tính đến tháng 06/2023, các huyện thành phố tổ chức thăm ốm 22 trường hợp, kinh phí thực hiện 17,6 triệu đồng; thăm viếng 09 trường hợp, kinh phí thực hiện 4,5 triệu đồng.

+ *Quyết định 1719/QĐ-TTg*: Nguồn vốn được giao thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và MN năm 2023 là 2.118.331,171 triệu đồng. Tính đến ngày 14/6/2023, đã thực hiện giải ngân được 106.492,375 triệu đồng/2.118.331,171 triệu đồng, đạt 5,03% KH năm, trong đó: vốn đầu tư giải ngân được 102.862,320 triệu đồng, tương đương 9,84% KH; vốn sự nghiệp giải ngân được 3.630,055 triệu đồng, tương đương 0,43% KH...

<sup>4</sup> + UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 ban hành Quy định công tác quản lý, vận hành và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng bằng nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn I từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

+ UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/4/2023, về Điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng về việc phân bổ ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của HĐND tỉnh Cao Bằng về sửa đổi, bổ sung điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 25/5/2022 của HĐND tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 26/5/2023 của UBND tỉnh Cao Bằng, về việc điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2023 thực hiện các Chương trình MTQG (lần 1)...

<sup>5</sup> + *Kết quả thực hiện chính sách bảo trợ xã hội*: Trợ cấp xã hội thường xuyên cho 29.114 đối tượng tại cộng đồng tăng 4.581 đối tượng so với cùng kỳ năm 2022; hỗ trợ mai táng phí cho 686 đối tượng; trợ cấp đột xuất cho 11 trường hợp; thực hiện cấp phát gạo cứu đói tết Nguyên đán và cứu đói giáp hạt năm 2023 cho 32.713 hộ, 105.064 khẩu, 52.303,475 tấn (giảm 1.893 hộ, 9.481 khẩu so với cùng kỳ năm 2022); Tổ chức 02 hội nghị tập huấn công tác người cao tuổi năm 2023, tại 02 huyện Trùng Khánh, Quảng Hòa với 242 đại biểu tham dự; 03 hội nghị tập huấn nâng cao năng lực thực hiện chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí năm 2023, với 434 đại biểu tham dự.

## 2.2. Hạn chế

Bên cạnh những mặt thuận lợi và kết quả đã đạt được, tỉnh ta còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong thực hiện phát triển kinh tế - xã hội:

(1) Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg:

- Kết quả giải ngân một số dự án, tiểu dự án của Chương trình còn chậm do một số văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương ban hành chưa kịp thời, nhiều nội dung chưa thống nhất<sup>6</sup>;

- Trung ương chưa thông báo vốn sự nghiệp trung hạn cho các địa phương thực hiện chương trình giai đoạn 2021-2025, do vậy việc lập kế hoạch thực hiện các dự án và tiểu dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp của chương trình cho cả giai đoạn 2021-2025 của địa phương chưa được chính xác, do là tỉnh nghèo, nguồn thu ngân sách hạn hẹp, việc chủ động bố trí ngân sách địa phương cho các chính sách

+ *Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo*: Giải quyết cho 3.823 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên vay vốn ưu đãi, cấp trên 338.859 thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội...; hỗ trợ tiền điện cho 49.730 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

+ *Kết quả thực hiện các dự án giảm nghèo*: Là cơ quan thường trực Chương trình MTQGGNBV giai đoạn 2021-2025 đã tham mưu cho tỉnh phân bổ vốn năm 2023 cho các huyện, thành phố và các đơn vị, đến nay các huyện đã và đang thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 177 công trình, duy tu bảo dưỡng 64 công trình; xây dựng kế hoạch triển khai 129 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tổ chức được 16 lớp nghề (Nghề Trồng và nhân giống nấm; Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn; nuôi và phòng trị bệnh cho Trâu, Bò; sửa chữa máy nông nghiệp; kỹ thuật trồng thuốc lá; trồng rau an toàn; chăn nuôi gà lợn hữu cơ) được 521 người; tổ chức 01 cuộc tập huấn hội nghị triển khai công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, với 48 người tham dự; Thực hiện hỗ trợ đào tạo cho 38 người lao động; hỗ trợ các chi phí khác trong quá trình đào tạo và các thủ xuất cảnh cho 40 lao động; tổ chức 14 hội nghị tuyên truyền; 16 phiên giao dịch việc làm lưu động và ngày hội việc làm; xây dựng các kế hoạch triển khai các hoạt động năm 2023; hỗ trợ làm nhà cho 2.689 hộ nghèo; thực hiện đăng 15 tin trên trang thông tin điện tử; phát sóng 5 tin trên truyền hình địa phương và thực hiện phát thanh 5 tin; tổ chức 04 hội nghị nâng cao năng lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, với 536 đại biểu tham dự.

+ *Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề*: Kết quả 6 tháng đầu năm 2023: Tiếp tục đào tạo 1.215 người trình độ trung cấp của năm trước chuyên ngành; tuyển mới ước thực hiện được 1.250 người trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên, đạt 22,7% so với kế hoạch năm 2023.4.

+ *Kết quả thực hiện các chính sách giải quyết việc làm*: Kết quả: số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 80 lao động, đạt 80% kế hoạch (tăng 36 lao động so với cùng kỳ năm 2022); số lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm 4.000 người, đạt 266,6% kế hoạch, (tăng 800 lao động so với cùng kỳ năm 2022); Số lao động được giới thiệu, cung ứng qua Trung tâm Dịch vụ việc làm 300 lao động, đạt 47,6% kế hoạch, (thực hiện bằng so với cùng kỳ năm 2022).

<sup>6</sup> - *Đối với tiểu dự án 1-Dự án 1*: một số công trình đầu tư cơ sở hạ tầng chưa triển khai được do vướng về thủ tục chuyển đổi đất rừng.

- *Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất*: Do chưa có hướng dẫn cụ thể vì vậy các địa phương còn lúng túng trong việc ký kết hợp đồng triển khai thực hiện, giám sát, thanh toán giải ngân các dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Trình tự thủ tục thẩm định và phê duyệt hỗ trợ liên kết giữa Nghị định 98/2018/NĐ-CP và Nghị định 27/2022/NĐ-CP chưa thống nhất, ảnh hưởng đến tiến độ thẩm định các dự án/kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị, cụ thể: (i) Theo khoản 2 Điều 12 Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nội dung thẩm định hồ sơ dự án/kế hoạch liên kết được quy định như sau: trường hợp UBND cấp tỉnh phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết do Hội đồng cấp tỉnh thẩm định hồ sơ; trường hợp UBND cấp huyện phê duyệt hỗ trợ liên kết do Hội đồng cấp huyện thẩm định hồ sơ; (ii) Theo điểm c Khoản 3 Điều 21 Nghị định 27/2022/NĐ-CP, ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, nội dung thẩm định hồ sơ dự án/kế hoạch liên kết do Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thực hiện.

giảm nghèo còn hạn chế, chủ yếu vẫn trông vào ngân sách Trung ương bố trí hàng năm cho chương trình.

- Một số cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án sử dụng vốn sự nghiệp chưa thực sự chủ động, quyết liệt trong triển khai thực hiện; Việc tổng hợp báo cáo của các huyện, thành phố đa số chưa đầy đủ theo yêu cầu, do vậy rất khó khăn cho cơ quan tổng hợp báo cáo Chương trình.

*(2) Quyết định 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025*

Năm 2021 thực hiện Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 06/6/2021 của Thủ tướng chính phủ và Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 trên địa bàn tỉnh đã có sự thay đổi về phân định lại các xã khu vực III, II, I và các thôn ĐBKK nên bước đầu có những khó khăn xáo trộn nhất định đến người dân, cán bộ, công chức triển khai việc thực hiện một số chính sách trên địa bàn các xã không còn thuộc đối tượng thụ hưởng<sup>7</sup>. Mặt khác, sau khi phân định lại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, số địa bàn thụ hưởng chính sách giảm, địa bàn không còn chính sách hỗ trợ, ưu đãi dẫn đến nhiều cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin chuyển công tác đã tác động, ảnh hưởng đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là ở vùng biên giới và những xã vừa thoát khỏi vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Tại Điều 3 Quyết định 861/QĐ-TTg, quy định “*Các xã khu vực III, II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực*”.

Theo đó, một số xã (*xã Lương Can (KV III), huyện Hà Quảng; xã Thị Hoa (KV III), huyện Hạ Lang; xã Ngọc Côn (KV II, huyện Trùng Khánh; xã Huy Giáp (KV II), huyện Bảo Lạc*)...thuộc Quyết định 861/QĐ-TTg nay đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và được xác định là xã khu vực I đã ảnh hưởng ngay lập tức đến phạm vi, đối tượng, địa bàn thụ hưởng chính sách; việc cắt giảm ngay các chế độ, chính sách đối với các xã này, trong đó có chính sách an sinh xã hội, chính sách vay vốn cho xã, thôn ĐBKK, hỗ trợ sản xuất, chính sách BHYT đối với người dân, người DTTS sẽ ảnh hưởng lớn đến tâm lý đối tượng thụ hưởng; trong khi thực tế đời sống người DTTS, người dân của các xã này vẫn còn nhiều khó khăn so với

---

<sup>7</sup> Trong năm 2021, thực hiện Quyết định 861/QĐ-TTg, trên địa bàn tỉnh có thêm 22 xã, thị trấn không còn thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, do vậy số người tham gia BHYT giảm trên 41.800 người; Đối với lĩnh vực giáo dục: một số địa bàn không còn thuộc vùng đặc biệt khó khăn, việc không được thụ hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP đã ảnh hưởng đến tâm lý, đời sống, việc học tập của học sinh, nhất là học sinh con em hộ nghèo, cận nghèo; một số học sinh là con em dân tộc thiểu số thường trú tại các thôn đặc biệt khó khăn không được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 116/2016/NĐCP vì đang học tập tại các trường thuộc vùng I, mặc dù vẫn đảm bảo quy định về khoảng cách; Do sự điều chỉnh về địa bàn thụ hưởng Nghị định 116/2016/NĐ-CP, công tác rà soát, xác định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, có lúc có nơi chưa kịp thời, còn lúng túng dẫn đến ảnh hưởng tiến độ tham mưu ban hành danh sách địa bàn học sinh được hưởng chính sách bán trú theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh, ảnh hưởng đến việc cấp phát kinh phí và tổ chức nấu ăn cho học sinh bán trú theo quy định...

mặt bằng chung của tỉnh nói riêng, cả nước nói chung. Đây là một thách thức lớn đối với chính quyền và toàn thể nhân dân trong tỉnh.

(3) *Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*: Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 với 18 chỉ tiêu được đưa ra, trong đó chỉ tiêu: Phần đầu "đến hết năm 2025, số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 50 xã, trong đó 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao". Tuy nhiên, tính đến ngày 30/5/2023, toàn tỉnh có 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân đạt 10,19 tiêu chí/xã, giảm 1,44 tiêu chí/xã so với cùng kỳ năm 2022; có 03 xã đạt 15-18 tiêu chí, 50 xã đạt 10-14 tiêu chí, 68 xã đạt từ 5-9 tiêu chí, 01 xã dưới 05 tiêu chí.

(4) *Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025"*: Trong 6 tháng đầu năm 2023 tình trạng tảo hôn giảm 26 cặp so với cùng kỳ năm 2022 nhưng vẫn tiếp diễn (cả tỉnh phát sinh 21 cặp tảo hôn).

(5) *Lĩnh vực Giáo dục - đào tạo, nội vụ vùng đồng bào DTTS*: Việc sắp xếp, bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp gặp nhiều khó khăn, diễn ra tình trạng tồn đọng kéo dài nhiều năm. Theo thống kê từ năm 2012 đến nay, số lượng sinh viên cử tuyển tốt nghiệp ra trường là 247 người, số sinh viên được bố trí việc làm là 107 người, đạt tỷ lệ 43,3%, số sinh viên chưa bố trí được việc làm là 140 người chiếm 56,7%. Hiện nay còn 03 sinh viên cử tuyển được UBND tỉnh cử đi học từ năm 2012-2015 chưa tốt nghiệp ra trường do kết quả học tập không đạt, nợ môn.

### **3. Kiến nghị UBND tỉnh**

(1) Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 09/6/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng khóa XIX về lãnh đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

(2) UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện, Thành phố đẩy nhanh tiến độ giải ngân và thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (giai đoạn I: 2021 - 2025): Bảo đảm nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, tập trung cho các xã, thôn, bản khó khăn nhất, giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm DTTS khó khăn nhất; công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào DTTS; đảm bảo toàn diện, hài hòa giữa các nội dung về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội;

(3) Đề nghị tỉnh nghiên cứu cho chủ trương xây dựng chính sách để hỗ trợ cho đối tượng học sinh không còn chế độ khi các xã chuyển từ khu vực III, khu vực II sang khu vực I trong khi đời sống của người dân ở các xã này còn nhiều khó khăn.

(4) Chỉ đạo quyết liệt các cấp, ngành tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số” trên địa bàn; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên cần phải xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

(5) Chỉ đạo Triển khai quán triệt, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến các cấp, các ngành về Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS; Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc phối hợp với các cơ sở đào tạo cử tuyển để bảo đảm người đi học theo chế độ cử tuyển được xét tuyển và được bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo cử tuyển; đào tạo cử tuyển phải gắn với quy hoạch nguồn nhân lực, nguồn cán bộ của địa phương, của vùng.

Nghiên cứu, kiến nghị Trung ương xem xét xây dựng cơ chế, chính sách riêng trong công tác tuyển dụng, phân công, bố trí việc làm đối với người đồng bào DTTS, người sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, đặc biệt đối với sinh viên cử tuyển sau khi tốt nghiệp để phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trên địa bàn tỉnh.

## **II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

Để tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc và công tác dân tộc trong 6 tháng cuối năm 2023, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh cần quan tâm một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

**1.** Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Chương trình hành động số 35-CTHĐ/TU ngày 12/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị và Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2022-2030 và định hướng đến năm 2045. Trong đó tập trung thực hiện các chính sách quan trọng như: Giải quyết việc làm đối với thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng và đào tạo nghề; xoá bỏ các hủ tục lạc hậu; chú trọng phát hiện, quy hoạch, bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là người dân tộc thiểu số...

**2.** Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Chú trọng đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước giao năm 2022, 2023 đối với các nội dung của từng dự án, trong đó tập trung thực hiện giải ngân đối với các dự án, tiểu dự án không còn vướng mắc về cơ chế, chính sách, đồng thời thực hiện rà soát đối với các nội dung khó có khả năng giải ngân trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh kịp thời kế hoạch thực hiện.

**3.** Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn nghiên cứu ban hành cơ chế tạm thời giải quyết khó khăn, vướng mắc của địa phương trong việc thực hiện các Chương

trình mục tiêu quốc gia khi chưa có hướng dẫn của Trung ương. Hướng dẫn địa phương thực hiện Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

**4.** Chỉ đạo Sở Tài chính, tham mưu cấp có thẩm quyền phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện việc mua sắm tập trung để giảm thiểu thủ tục, đảm bảo kịp thời, thuận tiện cho cơ sở, nhất là đối với việc mua sắm tài sản, trang thiết bị từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình lập dự toán thực hiện các dự án, đồng thời hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hiện hành

**5.** Chỉ đạo các sở, ban ngành rà soát số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người đồng bào DTTS được bố trí làm việc trong hệ thống chính trị tại các địa phương; tiếp tục quan tâm, nghiên cứu, có cơ chế, chính sách riêng về đào tạo, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS vào hệ thống chính trị của địa phương, nhất là trong thi tuyển công chức, viên chức để đảm bảo số lượng cán bộ DTTS đáp ứng với yêu cầu thực tế và theo quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội.

**6.** Chỉ đạo các sở, ngành có liên quan thực hiện các kiến nghị của Ban qua các đợt giám sát, khảo sát từ đầu nhiệm kỳ 2021 - 2026 cho đến nay; Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đến các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2023 (*lĩnh vực dân tộc*). Kính trình kỳ họp xem xét, thảo luận và quyết định./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu tham dự kỳ họp;
- Lãnh đạo VP; Trưởng, Phó các phòng + CV phòng CT HĐND;
- Lưu: VT.

**TM. BAN DÂN TỘC**  
**TRƯỞNG BAN**

**Bàn Quý Sơn**